**TÊN BÀI DẠY:**

**BÀI 4 – SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI (TRUYỆN CƯỜI)**

**Môn học**: Ngữ Văn/Lớp: 8

**Thời gian thực hiện**: ….. tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
* Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
* Nêu được những thay đổi suy nghĩ tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.
* Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu, chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.
* Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.
* Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;\

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái, trung thực, trách nhiệm

**TIẾT…: VĂN BẢN 1.2  *VẮT CỔ CHẠY RA NƯỚC - MAY KHÔNG ĐI GIÀY***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
* Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Vắt cổ chày ra nước - May không đi giày

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

**3. Phẩm chất:**

-  Nhân ái, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Vắt cổ chày ra nước - May không đi giày*

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi gợi mở: ***Theo em như thế nào là keo kiệt?***

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV đặt câu hỏi: ***Theo em như thế nào là keo kiệt?***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề Sự sống thiêng liêng

**b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua gợi ý SGV

**c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* trong SGK (trang 77) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc phần giới thiệu bài học  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.  - GV chốt kiển thức về chủ đề bài học 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Giới thiệu bài học.**  - Chủ đề 4: Đối với mỗi chúng ta, tiếng cười có rất nhiều tác dụng: để bộc lộ niềm vui, sự thích thú, niềm hạnh phúc, để kết nối bạn bè, để phê phán những hiện tượng chưa hay, chưa tốt,…Có thể nói tiếng cười đã góp nhiều màu sắc làm cuộc sống thêm phong phú.  *Trong bài học này, thông qua việc đọc các văn bản truyện cười em sẽ hiểu thêm về những sắc thái của tiếng cười trong cuộc sống* |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a.Mục tiêu:**

 - Xác định được khái niệm và đặc điểm, một số yếu tố trong truyện cười

- Nhận biết được khái niệm và đặc điểm của nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, từ địaa phương và từ toàn dân

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về truyện cười**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về truyện cười:  *+ Truyện cười là gì?*  *+ Cốt truyện thường xoay quanh vấn đề gì?*  *+ Nhân vật trong truyện cười được chia thành mấy loại?*  *+ Nhận xét về ngôn ngữ được sử dụng trong truyện cười*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  và mối liên hệ giữa các yếu tố này.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 55)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS ghi chép tóm lược nội dung kiến thức  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Tri thức Ngữ văn**   1. **Truyện cười**   **Truyện cười** là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đã kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.  **- Cốt truyện** thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đẩy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười.  Bối cảnh thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, phong tục gắn với từng truyện.  **Nhân vật thường có hai loại:**  Loại thứ nhất thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức chân dung hài hước, lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mĩ.  Loại thứ hai thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến (truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột,...) hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phủ của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại (truyện Bác Ba Phi,...).  **- Ngôn ngữ** thường ngắn gọn, súc tích, hài hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,... Các thủ pháp gây cười khá đa dạng, linh hoạt. Dưới đây là một số thủ pháp thường gặp:  1. Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:  a.Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoàigiữa thật và giảgiữa lời nói hành động.  b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật  tạo nên những liên tưởng, đối sảnh bất ngờ, hải hước, thú vị  2. Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng (lối nói khoa trương, phóng đại chơi chữ,...)   1. **Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**   ***Nghĩa tường minh*** là phần thông bảo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trongcâu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.  ***Nghĩa hàm ẩn*** là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến  Ví dụ: Có công mài sắt, có ngày nên kim. (Tục ngữ)  Câu tục ngữ trên có nghĩa tường minh: Nếu bỏ công sức ra mài một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ăn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trìnỗ lực vượt qua khó khănthử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ăn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thần và chú ý đến các từ ngữ quan trọng trong cấu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này. chúng ta phải chú ý đến các từ ngữ "mài sắt", nên kim".  Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.   1. **Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị giao tiếp.**   ***Từ ngữ toàn dân*** là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong ***Từ ngữ địa phương*** là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.  Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.  \ |

**Hoạt động 3: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Vắt cổ chày ra nước – May không đi giày*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và xác định thể loại của hai văn bản  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***- Thể loại:*** Truyện cười  ***- Đề tài*** của hai truyện trên là phê phán, đả kích những người có thói quen sống hà tiện, keo liệt (phê phán những thói xấu trong xã hội).  ***- Nhan đề*** Vắt cổ chày ra nước và May không đi giày đã thể hiện được nội dung của mỗi truyện bởi thông qua nhan đề người đọc đoán được nội dung cũng như biết được đối tượng văn bản hướng đến. |

**Hoạt động 4: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**

* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
* Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Vắt cổ chày ra nước – May không đi giày

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ :Thảo luận nhóm đôi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Em có nhận xét gì về bối cảnh của hai truyện cười trên?*  *+ Các nhân vật trong hai truyện cười trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?*  + *Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Vắt cổ chảy ra nước; may không đi giày?*  *+ Em hãy nêu nội dung chính của bài Vắt cổ chảy ra nước; may không đi giày?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1.Bối cảnh của truyện**  Hai truyện trên tác giả tập trung vào cốt truyện, nhân vật còn bối cảnh không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, bối cảnh không xác định.  **2. Nhân vật trong truyện**  Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật mang những thói xấu phổ biến trong xã hội.  **\*Vắt cổ chày ra nước**  ***- Nhân vật ông chủ:***  + Khi người đầy tớ xin tiền để uống nước, tỏ thái độ chê bai “Thằng này ngốc…”  + Kiếm cớ để từ chối cho đầy tớ mượn tiền: “Hai bên đường thiếu gì ruộng ao,có khát thì xuống đấy tha hồ uống, tìm vào quán làm gì cho phiền”  => Keo kiệt, bủn xỉn không muốn cho người khác mượn tiền  - Đồng thời sự kẹt xỉ của lão không dừng lại ở đó mà còn có xu hướng tăng lên khiến người đối diện cũng cảm thấy cạn lời.  - Ban đầu thì mách xuống ao hồ mà uống nước, sau đó lại bảo lấy khố tải buộc vào người để mồ hôi ra và thấm vào đó. Khi nào khát nước thì vắt từ khố tải ra để uống.  - Nhưng mức độ cao nhất của sự keo kiệt này lại được thể hiện qua câu nói của anh đầy tớ “Ông cho con mượn cái chày giã cua cũng được!”. Ai mà chẳng biết cái chày thì làm gì vắt được chứ đừng nói đến việc vắt ra nước. Vì thế, anh đầy tớ nói như vậy không phải là mượn chày để vắt nước uống mà thật ra là mang hàm ý chê cười, mỉa mai cái tính ki bo của ông chủ.  => Kẻ ki bo hà tiện  ***- Nhân vật đầy tớ:***  + Hoàn cảnh mượn tiền: ông chủ sai về quê có việc => xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường.  + Câu nói của anh đầy tớ “Ông cho con mượn cái chày giã cua cũng được!”  => cách để châm biếm, chế giễu một cách lịch sự những kẻ có điều kiện nhưng lại keo kiệt ở mức quá đáng. Điều này khiến cho người đọc vừa bất mãn với sự ki bo của lão chủ nhà vừa bật cười và thán phục vì sự khéo léo của anh đầy tớ.  **\*May không đi giày**  Nhân vật là người có tính hà tiện:  + Khi vấp hòn đá khiến ngón chân chảy máu nhưng không hề phàn nàn  + Thay vào đó là câu nói “chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày”  => Keo kiệt, hà tiện đến mức thà chịu đau đớn chứ không muốn giày bị hư hỏng, phải bỏ tiền mua đôi giày mới  **- Giá trị nội dung:**  Hai văn bản phê phán thói hư tật xấu của một số người, đó là thói keo kiệt, tính toán chi li với người khác hoặc với chính bản thân mình.  **- Giá trị nghệ thuật:**  Truyện tạo tình huống trào phúng  Sử dụng các biện pháp tu từ cùng lối nói chơi chữ tạo tiếng cười cho người đọc.   * Nội dung chính: châm biếm, mỉa mai những thói xấu của con người. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản “Vắt cổ chày ra nước – May không đi giày”

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: trả lời câu hỏi 5 – trang 81 - sgk

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày suy nghĩ

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Câu 5 (trang 82, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Câu nói: “Dạ, vắt cổ chảy cũng ra nước!” của nhân vật “người đầy tớ” trong *truyện Vắt cổ chày ra nướ*c và câu nói: “... may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!” của nhân vật “ông hà tiện” trong truyện *May không đi giày* có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của truyện?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ trải nghiệm của bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để Thực hiện yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

*Viết đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhai giữa keo kiệt và tiết kiệm*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện viết

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

* Đối với bài học tiết này: Ôn tập bài “VẮT CỔ CHẠY RA NƯỚC” – “MAY KHÔNG ĐI GIÀY”
* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
* Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
* Đọc lại bài, nắm kĩ các nội dung đã ôn và các bài tập đã làm.
* Đối với bài học tiết sau: Đọc bài KHOE CỦA, CON RẮN VUÔNG
* Nắm được những yếu tố cơ bản của truyện cười thể hiện trong văn bản như: cốt truyện, nhân vật, bối cảnh.
* Phê phán tính hay khoe khoang, tính khoác lác của một số hạng người trong xã hội
* Bài học rút ra từ 2 câu chuyện trên.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |